

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày: 22/4/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 08/3/2019 đối với các bị cáo:

1. Lương Nguyễn L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và mẹ là Nguyễn Thị S - sinh năm 1954; Có vợ là Đỗ Thị L1, sinh năm 1980; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông bố là ông Phạm Trung L1, sinh năm 1939 và mẹ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942; Có vợ là Hoàng Thị T1, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018,

chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Mạnh D (tên gọi khác: Nguyễn Văn D), sinh năm 1974; Nơi cư trú: BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1940 và mẹ là bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1947; Có vợ Phùng Thị T2 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn T3, sinh năm 1956, Nơi cư trú: TC, xã TD, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 03/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn U1 (đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); Có vợ là Vũ Thị D1, sinh năm 1956; Có 02 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Thế T5, sinh năm 1974, Nơi cư trú: BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Đức T6, sinh năm 1948 và mẹ là bà Lê Thị Q, sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1982; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Thanh V, sinh năm 1985; Nơi cư trú: HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Thanh V1, sinh năm 1957 và mẹ là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; Có vợ là Đào Thị H2, sinh năm 1986; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Văn S1, sinh năm 1973, Nơi cư trú: BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn T7, sinh năm

1946 và mẹ là bà Đinh Thị X, sinh năm 1946; Có vợ là Nguyễn Thị T8, sinh năm 1978; Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lãnh Văn B và chị Thân Thị L2; Địa chỉ: HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:**

+ Anh Phạm Minh L3, sinh năm 1973; Địa chỉ: HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/11/2018, Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Lê Văn S1 và chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1984, địa chỉ: Phường TS - UB - Quảng Ninh đến quán thịt chó của chị Lãnh Thị Bình M2 - sinh năm 1978 ở HC - TT MT - KM - Hải Dương ăn cơm (quán của chị M2 ở lán phía trước nhà anh Lãnh Văn B - sinh năm 1974). Sau khi ăn cơm xong mọi người ngồi chơi uống nước ở sảnh nhà anh B đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, L rủ đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền thì H, D đồng ý. Ngay lúc đó, L, D, H, S1 đi lên trên tầng 2 nhà anh B thấy có sẵn 01 bát sứ, 01 đĩa sứ để trên 2 tấm xốp màu xanh ở nền nhà (quá trình điều tra không xác định được ai chuẩn bị), D dùng kéo kim loại có tay cầm bằng cán nhựa của gia đình anh B cắt 04 quân bài hình tròn từ vỏ bao thuốc lá vinataba của D, do D cắt quân bài chưa tròn nên H cắt lại mỗi quân bài có đường kính khoảng 1,5cm rồi cùng L, D đánh bạc. H là người cầm cái, quy định mỗi ván mỗi người chơi đặt bao nhiêu tùy ý theo 2 cửa chẵn và lẻ, khi người cầm cái mở bát ra có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu là chẵn, nếu 01 quân bài hoặc 03 quân bài cùng màu là lẻ, nếu ai đặt đúng thì được hưởng số tiền bằng số tiền đã đặt do người cầm cái trả, nếu ai đặt sai thì mất toàn bộ số tiền đã đặt cho người cầm cái. Quá trình H, D, L đánh bạc thì S1 không có tiền ngồi xem. Sau đó, lần lượt có Vũ Thế T5, Bùi Văn T3 cùng bạn của T3 là người thanh niên tên là T8 (không rõ họ tên đệm, tuổi và địa chỉ) đến tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên. Lúc này, S1 vay 50.000 đồng của D đặt 01 ván cửa lẻ bị thua hết tiền, D cũng hết tiền nên S1 và D ngồi xem. Khoảng 21 giờ cùng ngày có Phạm Thanh V đến tham gia đánh bạc cùng.

Cứ như vậy, H cùng các đối tượng trên đánh xóc đĩa được thua bằng tiền đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an thị trấn MT kịp thời phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn, 02 tấm xốp màu xanh, 01 chiếc kéo có đặc điểm như trên và số tiền 14.200.000 đồng; thu giữ của các đối tượng tổng số tiền là 23.337.000 đồng (gồm của L có 10.000.000 đồng, H có 500.000 đồng, D có 17.000 đồng, V có 10.000.000 đồng, T5 có 270.000 đồng, T3 có 2.550.000 đồng. Lợi dụng sơ hở người thanh niên tên là T8 đã trốn thoát.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai khi tham gia đánh bạc L có 14.000.000 đồng, H có 500.000 đồng, D có 67.000 đồng (D khai chỉ sử dụng 50.000 đồng vào việc đánh bạc), S1 có 50.000 đồng (vay của D), T5 có 500.000 đồng, T3 có 2.500.000 đồng, V có 10.200.000 đồng (V khai chỉ sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc). Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, lời khai của các bị cáo, xét tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc đến khi bị bắt là 27.520.000 đồng. Hiện toàn bộ số vật chứng và số tiền nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn đang quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trước cơ quan điều tra, các bị cáo Lương Nguyễn L, Nguyễn Mạnh D, Phạm Văn H, Vũ Thế T5, Bùi Văn T3, Lê Văn S1, Phạm Thanh V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT - VKSKM ngày 31/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, truy tố Lương Nguyễn L, Nguyễn Mạnh D, Phạm Văn H, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V và Lê Văn S1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D (tên gọi khác: Nguyễn Văn D), Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V và Lê Văn S1 đều phạm tội “Đánh bạc”.

- Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V, Lê Văn S1. Bị cáo H

được áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S1 được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh D, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V.

- Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3 và Vũ Thế T5.

- Khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Phạm Thanh V và Lê Văn S1.

- **K**hoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5.

- Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Điểm đ Điều 12, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật người cao tuổi 2009.

- Đề nghị xử phạt:

1. Bị cáo Lương Nguyễn L từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Phạm Văn H từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Vũ Thế T5 cho Ủy ban nhân dân thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Bùi Văn T3 cho UBND xã TD huyện KM, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thanh V từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn S1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra VKS còn đề nghị án phí và xử lý vật chứng trong vụ án, quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng; phù hợp các tang vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 40 phút đến 21 giờ 30 phút, ngày 12/11/2018, tại nhà anh Lãnh Văn B, ở khu HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương: Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V, Lê Văn S1 và một người thanh niên tên T8 (không rõ địa chỉ) đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc được thua bằng tiền, thì bị Tổ công tác công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an thị trấn MT, huyện KM phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 14.200.000 đồng, thu giữ số tiền trên người của các bị cáo sử dụng để đánh bạc gồm: thu của bị cáo L 10.000.000 đồng, của H 500.000 đồng, của T5 270.000 đồng, của T3 2.550.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 27.520.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Đây là vụ án đồng phạm, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là do tự phát, nguyên nhân dẫn đến phạm tội: các bị cáo đều có quan hệ thân quen từ trước, khi gặp nhau tại quán ăn khai trương ở nhà anh Lãnh Văn B, do muốn có tiền để cùng nhau đi hát nên các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, khi H rủ mọi người đi hát, bị cáo L là người đưa ra ý kiến góp tiền bằng hình thức đánh bạc, bản thân bị cáo sử dụng số tiền nhiều nhất trong số các bị

cáo khác để đánh bạc, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo H là người cầm cái, trực tiếp sát phạt cùng với các con bạc khác từ đầu cho đến khi bị bắt nên vai trò của bị cáo sau bị cáo L và cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với bị cáo D khi biết mọi người có ý định đánh bạc, bị cáo đã chủ động cắt quân vị làm công cụ để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc bị cáo còn cho bị cáo S1 vay 50.000đồng để đánh bạc, tuy nhiên số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn (50.000đồng) nên vai trò của bị cáo là sau bị cáo H. Đối với các bị cáo T5, bị cáo T3 là những người đến và tham gia đánh bạc sau, số tiền bị cáo T3 sử dụng để đánh bạc 2.550.000đồng, bị cáo T5 500.000đồng là không nhiều, tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu nên vai trò của các bị cáo sau bị cáo D.

Đối với bị cáo S1, bị cáo V, trong đó bị cáo S1 tham gia đánh bạc một ván, số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc 50.000đồng vay của bị cáo D, bị cáo V là người đến sau cùng, số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc 200.000 đồng. Các bị cáo V, bị cáo S1 đều tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, thời gian tham gia đánh bạc không nhiều, tính chất, hành vi phạm tội giản đơn.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thấy được sai phạm của mình, thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, từ thời điểm hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện và bắt quả tang, các bị cáo đều có thái độ chấp hành pháp luật, tích cực phối hợp với cơ quan có trách nhiệm khai báo về hành vi của các đối tượng liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, hành vi này của các bị cáo được Công an và chính quyền địa phương xác nhận nên cũng cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là “*Người phạm tội tích cực phối hợp với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án*”.

Bị cáo Phạm Văn H, bản thân có nhiều thành tích trong lao động sản xuất, trong phong trào thi đua yêu nước: Năm 2010 – 2012 được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen; năm 2016 được Ban chấp trung ương cấp giấy chứng nhận hộ kinh doanh giỏi; năm 2015 được Ban chấp hành hội nông dân tặng bằng khen trong phao trào thi đua yêu nước. Bị cáo D có bố đẻ được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, có mẹ đẻ được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo T5 có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo V có bố đẻ có nhiều thành tích trong công tác được tặng thưởng nhiều Giấy khen và các danh hiệu như: Giấy khen của UBND huyện KM năm 2003; Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện KM năm

2013, bằng khen của Bộ tư pháp năm 2002, danh hiệu lao động tiên tiến năm 2013, 2017. Nên các bị cáo D, T5, V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo L, S1 đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bản thân bị cáo L có nhiều năm tham gia tích cực các phong trào từ thiện do địa phương phát động và được địa phương xác nhận, đây cũng là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo; Riêng bị cáo S1 còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Đối với các bị cáo H, D, T5, T3, V, trong đó bị cáo H có một lần bị kết án vào năm 1997; bị cáo D một lần bị kết án vào 1996, một lần bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2007; bị cáo T3 một lần bị kết án vào năm 2009; bị cáo T5 một lần bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2000, một lần bị kết án vào năm 2008; bị cáo V một lần bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2011, tuy nhiên các bị cáo đều chấp hành xong tù nhiều năm nay và được coi là không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, các bị cáo đều có xác nhận chính quyền nơi cư trú về việc chấp hành pháp luật, nghĩa vụ nơi cư trú. Xét thấy các bị cáo đánh bạc đều mang tính tự phát; tính chất, mức độ về hành vi mang tính giản đơn; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo L, H, D, T3, T5 cho được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ trừng trị, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo S1, bị cáo V tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu, số tiền sử dụng để đánh bạc không nhiều, thời gian tham gia đánh bạc không nhiều, mức độ sát phạt nhau không lớn. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp quy định tại khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo L, H, D, T5, T3 để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo có hình phạt chính là phạt tiền thì không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] *Xử lý vật chứng*:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 27.520.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngoài số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, cơ quan cảnh sát điều tra còn quản lý: bị cáo V 10.000.000 đồng, bị cáo D 17.000 đồng. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa làm rõ số tiền trên bị cáo D, bị cáo V không sử dụng với mục đích để đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo số tiền này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 01 chiếc kéo; 02 tấm xốp là công cụ các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội. Quá trình điều tra xác định, các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng anh Lãnh Văn B và chị Thân Thị L2, anh B, chị L2 không biết các bị cáo đánh bạc cũng như lấy tài sản của mình sử dụng để đánh bạc, song tại giai đoạn điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử anh B, chị L2 xác định do giá trị tài sản không lớn nên không yêu cầu được xin lại và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 04 quân vị công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xác định các tài sản thu giữ không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Bùi Văn T3, tính đến ngày vi phạm bị cáo đã hơn 60 tuổi là người cao tuổi, theo Luật người cao tuổi và tại phiên tòa: bị cáo có đề nghị được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T3 theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trong vụ án này các bị cáo đánh bạc tại tầng 2 nhà anh Lãnh Văn B. Quá trình điều tra xác định, anh B và người thân không biết các đối tượng đánh bạc tại tầng 2 nhà mình. Ngoài các chứng cứ đã được chứng minh không có căn cứ nào khác nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không xem xét, xử lý đối với anh B là phù hợp.

Theo lời khai của các bị cáo, cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo còn có một người thanh niên tên T8, tuy nhiên các bị cáo không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể của người thanh niên này ở đâu. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn, tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V, Lê Văn S1. Bị cáo H được áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S1 được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh D, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V.

- **Căn cứ:** Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3 và Vũ Thế T5.

- **Căn cứ:** khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Phạm Thanh V và Lê Văn S1.

- **Căn cứ:** khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5.

- **Căn cứ:** Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Căn cứ:** Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật người cao tuổi 2009.

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D (tên gọi khác: Nguyễn Văn D), Bùi Văn T3, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V và Lê Văn S1 đều phạm tội “Đánh bạc”.

- **Xử phạt:**

1. Bị cáo Lương Nguyễn L 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (*ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Phạm Văn H 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (*ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Nguyễn Mạnh D 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bị cáo Bùi Văn T3 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Bị cáo Vũ Thế T5 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Vũ Thế T5 cho Ủy ban nhân dân thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Bùi Văn T3 cho UBND xã TD huyện KM, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thanh V 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

7. Phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn S1 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Hình phạt bổ sung:

Phạt các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Bùi Văn T3, Vũ Thế T5 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 kéo có tay cầm bằng nhựa; 02 tấm xốp (màu xanh); 04 quân bài vị hình tròn (được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba).

+ Tịch thu số tiền 27.520.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh V 10.000.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh D 17.000 đồng

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/02/2019 giữa Công an huyện Kinh Môn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn)

- Án phí: Các bị cáo Lương Nguyễn L, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh D, Vũ Thế T5, Phạm Thanh V, Lê Văn S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn T3 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Đối với người có quyền lợi liên**

quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi – CA tỉnh HD;
- VKS nhân dân huyện Kinh Môn;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Chi cục thi hành án huyện Kinh Môn;
- UBND xã thị trấn MT;
- UBND xã TD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh